

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức
tỉnh Khánh Hòa năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4333/TTr-SNV ngày 14/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TT, HgP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

KẾ HOẠCH

Tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025.
- Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.
- Thông tư số 22/2025/TT-BNV ngày 19/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức.
- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.
- Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ biên chế cán bộ, công chức khối chính quyền địa phương tỉnh Khánh Hòa năm 2025.
- Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh biên chế cán bộ, công chức khối chính quyền địa phương cấp xã tỉnh Khánh Hòa năm 2025.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU TUYỂN DỤNG

1. Mục đích

Tổ chức tuyển dụng công chức để tuyển được người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu để kịp thời bổ sung đội ngũ công chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Yêu cầu

- Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, địa phương; tỷ lệ công chức cần bố trí theo vị trí việc làm, trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển; bảo đảm đủ về số lượng, cơ cấu, vị trí việc làm, chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức tuyển dụng công chức phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; bảo đảm tính cạnh tranh, bình đẳng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển dụng.

III. NHU CẦU TUYỂN DỤNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Tình hình thực hiện biên chế công chức của các cơ quan, tổ chức, địa phương (số liệu tính đến ngày 15/5/2026)

- Tổng số lượng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan, tổ chức, địa phương thuộc tỉnh Khánh Hòa: **4.509** biên chế;

- Tổng số lượng biên chế công chức đã sử dụng của các cơ quan, tổ chức, địa phương (không bao gồm đặc khu Trường Sa): **3.947** biên chế (*bao gồm: 1502 người khối tỉnh và 2445 người khối xã*);

- Tổng số lượng biên chế công chức chưa sử dụng của các cơ quan, tổ chức, địa phương: **521 biên chế** (*bao gồm: 145 chỉ tiêu khối tỉnh và 376 chỉ tiêu khối xã*).

2. Nhu cầu tuyển dụng

Tổng nhu cầu đăng ký tuyển dụng tại các vị trí việc làm tương ứng với ngạch Chuyên viên (01.003) và tương đương là **417 chỉ tiêu**, trong đó:

a) Đối với sở, ban, ngành cấp tỉnh

Đăng ký tuyển dụng **52 vị trí việc làm** tại **11 lĩnh vực** với số lượng:

79 chỉ tiêu;

*Lưu ý:

- Đối với 04 chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng thuộc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được xem xét, tuyển dụng tại ngành, lĩnh vực văn phòng (trên cơ sở đánh giá nhiệm vụ công tác theo vị trí việc làm) - **Lý do**: tại Phụ lục IV - Danh mục vị trí việc làm trong Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ) không phân chia rõ các vị trí việc làm theo Ngành, Lĩnh vực.

- Đối với 02/04 chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng tại vị trí việc làm Chuyên viên quản lý về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo sẽ ưu tiên tuyển dụng người đồng bào dân tộc thiểu số (*theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 3 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ*); vẫn tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển các trường hợp không được xác định là người dân tộc thiểu số đối với 02 chỉ tiêu này; tuy nhiên, trong trường hợp sau khi kết thúc thời gian nhận hồ sơ dự tuyển theo quy định, xảy ra các trường hợp sau:

+ Nếu số lượng hồ sơ người dân tộc thiểu số đăng ký dự tuyển đối với 02 chỉ tiêu này đã đủ (số lượng từ đủ 02 hồ sơ trở lên); thì các trường hợp không được xác định là người dân tộc thiểu số đã đăng ký dự tuyển (nếu có) được chuyển nguyện vọng dự tuyển sang các vị trí việc làm khác phù hợp theo Thông báo của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026;

+ Số lượng hồ sơ người dân tộc thiểu số đăng ký dự tuyển đối với 02 chỉ tiêu này là 01 hồ sơ thì 01/02 chỉ tiêu tuyển dụng được tách riêng cho 01 hồ sơ này; các trường hợp không được xác định là người dân tộc thiểu số đã đăng ký dự tuyển cạnh tranh tại 01 chỉ tiêu còn lại.

b) Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường

Đăng ký tuyển dụng **28 vị trí việc làm** tại **15 lĩnh vực** với số lượng:

338 chỉ tiêu.

Trong 15 lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ - trên cơ sở Mục II Phụ lục V - Danh mục vị trí việc làm công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp xã (*ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ*) bao gồm:

- **11 lĩnh vực** chuyên môn, nghiệp vụ (*từ số thứ tự 1 đến 11*);
- **01 lĩnh vực** chuyên môn, nghiệp vụ công tác tại Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- **03 lĩnh vực** chuyên môn, nghiệp vụ trên cơ sở các vị trí việc làm có người đăng ký dự tuyển gồm:
 - + Lĩnh vực Thanh tra tương ứng với vị trí việc làm “Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng”;
 - + Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ tương ứng với vị trí việc làm “Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số”;
 - + Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch tương ứng với vị trí việc làm “Kế toán viên”.

(Chi tiết tại Phụ lục 1.1, Phụ lục 1.2, Phụ lục 2.1, Phụ lục 2.2)

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển công chức

a) Người có đủ các điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch;
- Đang cư trú tại Việt Nam;
- Đủ 18 tuổi trở lên;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lý lịch rõ ràng;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

- Đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

b) Thí sinh đăng ký dự tuyển thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng (theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ)

Ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển công chức tại điểm a Khoản này, còn phải đáp ứng yêu cầu khác theo quy định pháp luật chuyên ngành của vị trí việc làm, ngành công chức đăng ký dự tuyển (nếu có) và theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ:

“ ...

2. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng đáp ứng một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Sinh viên tốt nghiệp thủ khoa tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên tại cơ sở giáo dục đại học uy tín trên thế giới được công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển;

b) Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và thuộc một trong các trường hợp đạt thành tích cá nhân sau:

Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia hoặc quốc tế trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học;

Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi Ô-lim-pích thuộc một trong các môn toán, vật lý, hóa học, cơ học, tin học hoặc các chuyên ngành khác trong thời gian học ở bậc đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

c) Người có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học tại cơ sở giáo dục trong nước, trong độ tuổi theo quy định của Chính phủ về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

3. Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam hoặc là người nước ngoài đáp ứng một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Người tốt nghiệp tiến sĩ, sau tiến sĩ từ các cơ sở đào tạo uy tín trên thế giới;

b) Người đã và đang tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ tại các cơ sở nghiên cứu, chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ hoặc bộ phận nghiên cứu của các doanh nghiệp uy tín ở nước ngoài, trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện tại Việt Nam;

c) Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp đã và đang làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hàng đầu Việt Nam và quốc tế, có kinh nghiệm chuyên môn sâu rộng và thành tựu nổi bật trong lĩnh vực hoạt động, phù hợp với yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ hoặc các lĩnh vực trọng điểm tại Việt Nam;

d) Đối với chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành là người nước ngoài, ngoài các quy định nêu trên còn phải đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.”.

c) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức

- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc.

IV. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, CÁCH XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

Việc tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026 được thực hiện thông qua:

1. Xét tuyển (nếu có) đối với người đăng ký dự tuyển là Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng thuộc đối tượng thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng (theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ)

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, được thực hiện theo 2 vòng như sau:

*** Vòng 1**

Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng (theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ) thì thực hiện xét kết quả học tập và nghiên cứu (nếu có) của người dự tuyển đảm bảo theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ. Những thí sinh có hồ sơ đủ đảm bảo theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ sẽ tiếp tục vào vòng 2.

*** Vòng 2**

- Hình thức: Vấn đáp

- Nội dung: Kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ; đánh giá về năng lực: tư duy, giao tiếp, phán đoán tình huống, học hỏi, phát triển, diễn đạt, thái độ, tính cách và các năng lực khác theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian: 30 phút (thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi vấn đáp).

- Thang điểm: 100 điểm.

*** Tài liệu ôn tập**

Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026 sẽ thông báo công khai sau.

*** Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức**

- Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

+ Có kết quả điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

+ Có kết quả điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

+ Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng phải đáp ứng cao nhất yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì

người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

- Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

2. Thi tuyển: 417 chỉ tiêu (có thể giảm trong trường hợp có thí sinh đăng ký dự tuyển thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ) vào vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên và tương đương.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, cụ thể:

a) Thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

- **Vòng 1:** Môn thi điều kiện kiểm tra kiến thức, năng lực chung

+ Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Nội dung thi: Kiến thức chung, đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn; hiểu biết chung, cơ bản của thí sinh về hệ thống chính trị; quản lý hành chính nhà nước; quyền, nghĩa vụ của công chức, đạo đức công vụ; kiến thức về xã hội, văn hóa, lịch sử.

+ Số lượng câu hỏi: 60 câu.

+ Thời gian thi: 60 phút.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng. Người dự tuyển trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên thì được thi tiếp vòng 2.

- **Vòng 2:** Thi nghiệp vụ chuyên ngành

+ Hình thức: Thi viết bằng hình thức thi trên máy vi tính (theo hình thức câu hỏi trắc nghiệm).

+ Nội dung: Nội dung thi kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

+ Số lượng câu hỏi: 60 câu.

+ Thời gian thi: 90 phút.

+ Thang điểm: 100 điểm.

b) Tài liệu ôn tập

Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026 sẽ thông báo công khai sau.

c) Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức

- Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Có kết quả điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành đạt từ 50 điểm trở lên.

+ Có kết quả điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành cộng với điểm ưu tiên quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm, kể cả đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo quy định. Trường hợp vẫn chưa xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên (người có kết quả điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn; Người có số điểm của bài thi viết ở vòng 2 cao hơn trong trường hợp lựa chọn hình thức kết hợp viết và phỏng vấn) thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định người trúng tuyển.

- Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

3. Trong quá trình tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, trường hợp có thí sinh đăng ký dự tuyển với đề nghị được xác định thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ (**thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 02**) thì ưu tiên và tách các chỉ tiêu, vị trí việc làm này để thực hiện trình tự, thủ tục xét tuyển theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ;

Đối với các thí sinh cùng đăng ký dự tuyển vào các chỉ tiêu, vị trí việc làm với thí sinh thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng thì:

a) Trường hợp thí sinh có nguyện vọng (sau khi có thông báo của cấp có thẩm quyền) thì được chuyển sang đăng ký dự tuyển ở các vị trí việc làm khác có cùng yêu cầu về trình độ chuyên môn (nếu có).

b) Trường hợp thí sinh không có nguyện vọng chuyển đăng ký dự tuyển ở các vị trí việc làm khác có cùng yêu cầu về trình độ chuyên môn (sau khi có thông báo của cấp có thẩm quyền) hoặc không có vị trí việc làm khác có cùng yêu cầu về trình độ chuyên môn để chuyển nguyện vọng đăng ký dự tuyển, thì:

- Được xác định có nhu cầu đăng ký dự tuyển công chức năm 2026 nhưng không còn chỉ tiêu, vị trí việc làm để xem xét tuyển dụng: nếu kết quả xét tuyển

của thí sinh thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ là **Đạt**;

- Được tiếp tục dự tuyển vào vị trí việc làm (đã đăng ký dự tuyển ban đầu - theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ): nếu kết quả xét tuyển của thí sinh thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ là **Không đạt**.

Lưu ý: Trong trường hợp chỉ tiêu, vị trí việc làm có thí sinh thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ nhưng kết quả xét tuyển là **Không đạt** và cũng không còn thí sinh đăng ký dự tuyển (bao gồm: thí sinh đăng ký dự tuyển ban đầu không có nguyện vọng chuyển đăng ký dự tuyển ở các vị trí việc làm khác có cùng yêu cầu về trình độ chuyên môn hoặc thí sinh đã chuyển nguyện vọng đăng ký dự tuyển và không có nhu cầu chuyển lại) thì không tiếp tục nhận Phiếu đăng ký dự tuyển và không tuyển dụng đối với chỉ tiêu, vị trí việc làm này.

4. Tiến hành đồng thời việc thực hiện trình tự, thủ tục thi tuyển theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ đối với các chỉ tiêu, vị trí việc làm còn lại (sau khi đã ưu tiên, tách các chỉ tiêu, vị trí việc làm để thực hiện trình tự, thủ tục xét tuyển theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ - nếu có);

Đồng thời, được bổ sung chỉ tiêu, vị trí việc làm để thực hiện tuyển dụng theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, trong trường hợp kết quả xét tuyển của thí sinh thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ là **Không đạt** và có thí sinh đăng ký dự tuyển vào các chỉ tiêu, vị trí việc làm với thí sinh thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng nhưng không có nguyện vọng chuyển đăng ký dự tuyển ở các vị trí việc làm khác có cùng yêu cầu về trình độ chuyên môn hoặc không có vị trí việc làm khác có cùng yêu cầu về trình độ chuyên môn để chuyển nguyện vọng đăng ký dự tuyển hoặc đã chuyển nguyện vọng, sau đó có nhu cầu chuyển lại.

V. PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

1. Phiếu đăng ký dự tuyển và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

a) Người dự tuyển phải nộp Phiếu đăng ký dự tuyển và phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời gian nộp phiếu và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trong Phiếu đăng ký dự tuyển của mình.

- Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển thuộc đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng theo quy định Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ: thực hiện Phiếu đăng ký dự tuyển (theo **Mẫu số 02**) và nộp kèm hồ sơ dự tuyển (cụ thể: bản sao chứng thực các tài liệu minh chứng đáp ứng đúng, đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ đã được nêu tại điểm b khoản 2 Mục V Kế hoạch này).

- Đối với thí sinh đăng ký thi tuyển: thực hiện Phiếu đăng ký dự tuyển (theo **Mẫu số 01**).

* **Lưu ý:** Thí sinh đăng ký dự tuyển nộp 04 bì thư gửi đảm bảo (có dán tem của bưu điện, ghi đầy đủ họ, tên, địa chỉ tại phần người nhận) và 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm; Trong quá trình nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, trong trường hợp cần thiết bộ phận chuyên môn có thể yêu cầu người đăng ký dự tuyển phối hợp cung cấp BẢN CHÍNH hồ sơ cá nhân, như: Bằng tốt nghiệp; giấy tờ ưu tiên; chứng nhận thành tích;; để thực hiện việc đối chiếu nội dung được ghi trong Phiếu đăng ký dự tuyển nhằm đảm bảo cơ sở tổng hợp, tham mưu, công bố thí sinh đủ điều kiện dự tuyển theo quy định.

b) Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm cần tuyển; trường hợp người dự tuyển nộp từ 02 Phiếu đăng ký dự tuyển vào 02 vị trí việc làm trở lên sẽ bị xóa tên trong danh sách dự thi.

c) Địa điểm, phương thức và thời hạn tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

- Địa điểm và phương thức tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển đến nộp trực tiếp (trong giờ hành chính, trừ ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định) hoặc gửi theo đường bưu chính đến địa chỉ: Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa (ghi rõ: Gửi phòng Tổ chức, Biên chế và Công chức, Viên chức; số điện thoại liên hệ: 0258.3828492) - Tầng 4, Số 05 Pasteur, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai 03 lần liên tiếp trên phương tiện thông tin đại chúng (gồm: báo viết, báo nói, báo hình của địa phương); trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng và các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan (kèm theo các biểu mẫu).

Trường hợp người đăng ký dự tuyển gửi qua đường bưu chính thì căn cứ ngày gửi có dấu xác nhận của cơ quan bưu chính để xác định thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tuyển dụng; trường hợp ngày gửi sau thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thì xem như không hợp lệ.

d) Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

- Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong 01 kỳ tuyển dụng tiếp theo.

(Kèm theo Mẫu số 01 và Mẫu số 02)

2. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng công chức

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng **7,5 điểm** vào kết quả điểm thi hoặc xét nghiệp vụ chuyên ngành;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng **5 điểm** vào kết quả điểm thi hoặc xét nghiệp vụ chuyên ngành;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng **2,5 điểm** vào kết quả điểm thi hoặc xét nghiệp vụ chuyên ngành;

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân theo quy định của cấp có thẩm quyền: Được cộng **1,5 điểm** vào kết quả điểm thi hoặc xét nghiệp vụ chuyên ngành.

Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại điểm a, b, c, d thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi hoặc xét nghiệp vụ chuyên ngành.

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG

1. Thời gian: Dự kiến tháng 7 năm 2026.

2. Địa điểm: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

Lưu ý: Nếu có thay đổi về thời gian, địa điểm tổ chức tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng sẽ thông báo công khai sau.

VII. LỆ PHÍ TUYỂN DỤNG

1. Thực hiện Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

2. Sở Nội vụ tổ chức việc thu phí dự tuyển, quản lý chi tiêu và thanh quyết toán phí dự tuyển theo đúng quy định.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026 và thành lập Ban Giám sát kỳ thi tuyển công chức năm 2026.

b) Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026 có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 8 Nghị định 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng công chức theo Kế hoạch và đúng quy định của pháp luật.

- Được thành lập Tổ thư ký giúp việc và thực hiện một số nhiệm vụ theo sự phân công; đồng thời, được quyền trưng dụng công chức của Sở Nội vụ và công chức, viên chức của một số cơ quan, đơn vị khác để phục vụ công tác tuyển dụng công chức.

2. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026, có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng tuyển dụng tổ chức, thực hiện Kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026.

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026; thành lập Ban Giám sát kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026.

- Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở Nội vụ về Kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026 theo quy định, gồm: Số lượng biên chế công chức cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm; Số lượng vị trí việc làm thực hiện tuyển dụng; Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển; Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; Hình thức, nội dung thi tuyển, xét tuyển; thời gian và địa điểm thi tuyển, xét tuyển.

- Tham mưu Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026 thành lập các bộ phận giúp việc theo đúng quy định.

- Tổ chức tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; thu phí dự tuyển của thí sinh đăng ký dự tuyển.

- Tổng hợp và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi.

- Chuẩn bị các điều kiện phục vụ kỳ thi và tài liệu các môn thi.

- Xác minh bằng tốt nghiệp và phối hợp Công an tỉnh xử lý các trường hợp có dấu hiệu sử dụng bằng cấp, giấy tờ giả theo quy định của pháp luật. Tổ chức kiểm tra, đối chiếu hồ sơ gốc đối với người trúng tuyển.

- Quyết định tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển sau khi có Quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) sau khi Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026 giải thể.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Thông báo công khai tại trụ sở các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường về Kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026; số lượng biên chế công chức cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm; Số lượng vị trí việc làm thực hiện tuyển dụng; Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển; Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại, địa chỉ

thư điện tử của bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; Hình thức, nội dung thi tuyển, xét tuyển; thời gian và địa điểm thi tuyển, xét tuyển.

- Các cơ quan, tổ chức quản lý chuyên ngành có trách nhiệm lập danh mục tài liệu nghiệp vụ chuyên ngành theo ngành, lĩnh vực làm cơ sở để thí sinh ôn tập, phục vụ công tác tuyển dụng môn nghiệp vụ chuyên ngành.

- Cử người tham gia Hội đồng tuyển dụng và các bộ phận giúp việc *(khi có yêu cầu)*.

- Phối hợp với Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026 giải đáp thắc mắc, khiếu nại (nếu có) của thí sinh trong quá trình tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.

- Sau khi có Quyết định tuyển dụng của Sở Nội vụ, quyết định tiếp nhận và phân công công tác theo đúng vị trí, chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng; đồng thời, bố trí cho thí sinh trúng tuyển tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm công chức đảm nhận.

4. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí cho việc tổ chức, thực hiện Kế hoạch tổ chức tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026;

- Hỗ trợ Sở Nội vụ tiến hành các trình tự, thủ tục liên quan đến việc ký kết hợp đồng với cơ quan, tổ chức, đơn vị đáp ứng đủ điều kiện thực hiện các nội dung liên quan trong quá trình tổ chức tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026.

5. Sở Y tế

- Bố trí lực lượng y, bác sĩ để phục vụ kỳ tuyển dụng; đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và thí sinh trong kỳ tuyển dụng công chức.

6. Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang

- Chuẩn bị địa điểm và nhân lực phục vụ cho kỳ tuyển dụng công chức.
- Cử người tham gia Hội đồng tuyển dụng và các bộ phận giúp việc *(khi có yêu cầu)*.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức ôn tập cho thí sinh *(khi có yêu cầu)*.

7. Trường Chính trị tỉnh

- Cử người tham gia các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển dụng *(khi có yêu cầu)*.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức ôn tập cho thí sinh *(khi có yêu cầu)*.

8. Điện lực Khánh Hòa

Đảm bảo nguồn điện liên tục tại điểm tổ chức kỳ tuyển dụng công chức.

9. Công an tỉnh

- Có trách nhiệm thực hiện bảo vệ an toàn cho kỳ tuyển dụng; phối hợp, tham mưu và tạo điều kiện cho Hội đồng tuyển dụng công chức, Sở Nội vụ tổ chức kỳ tuyển dụng đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ xử lý các trường hợp sử dụng văn bằng tốt nghiệp giả để tham gia kỳ tuyển dụng.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Khánh Hòa năm 2026 (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2026 (CẤP TỈNH)
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| STT | Cơ quan | Biên chế công chức được giao năm 2025 (biên chế) | Số lượng cán bộ, công đang có mặt tính đến 15/5/2026 (người) | Số lượng biên chế công chức chưa sử dụng tính đến 15/5/2026 (biên chế) | NHU CẦU TUYỂN DỤNG | | CHI TIẾT NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP TỈNH NĂM 2026 CHIA THEO NGÀNH, LĨNH VỰC theo Phụ lục II - Danh mục VTVL công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính ở Bộ, ở cấp Tỉnh (ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ) | | | | | | | | | | | | | | | Ghi chú | | |
|------------------|------------------------------------|--|--|--|------------------------|---------------------|--|------------------------|--------------------|-------------------|---------------------|-------------|---------------------------|----------|-----------------------|------------------------------|---------------------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------|--|
| | | | | | Số lượng VTVL (vị trí) | Số lượng (chỉ tiêu) | Ngoại giao, hợp tác quốc tế | Nội vụ, tổ chức cán bộ | Dân tộc - Tôn giáo | Tư pháp, pháp chế | Tài chính, kế hoạch | Công Thương | Nông nghiệp và Môi trường | Xây dựng | Khoa học và Công nghệ | Văn hóa, thể thao và Du lịch | Giáo dục và Đào tạo | Y tế | Ngân hàng | Thanh tra | Văn phòng | | Khác | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (8) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) | (24) | |
| 1 | BQL khu kinh tế và khu công nghiệp | 37 | 30 | 7 | 3 | 3 | | | | | 2 | | | | 1 | | | | | | | | | |
| 2 | Sở Công Thương | 120 | 112 | 8 | 3 | 7 | | | | | | 7 | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Sở Dân tộc và Tôn Giáo | 37 | 32 | 5 | 2 | 5 | | 1 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Sở Khoa học và Công nghệ | 66 | 51 | 15 | 5 | 14 | | | | 1 | | | | | 12 | | | | | | | 1 | | |
| 5 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 74 | 67 | 7 | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Sở Nội vụ | 85 | 75 | 10 | 6 | 6 | | 5 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Sở Nông nghiệp và Môi trường | 531 | 511 | 20 | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Sở Tài chính | 113 | 108 | 5 | 4 | 5 | | | | | 4 | | | | | | | | | | | | 1 | |
| 9 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 69 | 63 | 6 | 5 | 6 | | | | | 2 | | | | | 3 | | | | | 1 | | | |
| 10 | Sở Xây dựng | 133 | 123 | 10 | 5 | 7 | | | | | 1 | | | 6 | | | | | | | | | | |
| 11 | Sở Y tế | 89 | 76 | 13 | 10 | 11 | | 1 | | 2 | | | | | 2 | | | 5 | | | | 1 | | |
| 12 | Sở Tư pháp | 39 | 34 | 5 | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | Thanh tra tỉnh | 125 | 110 | 15 | 5 | 8 | | | | 1 | 1 | | | | 1 | | | | | | 4 | 1 | | |
| 14 | VP Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh | 30 | 18 | 12 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | 4 | | Nội dung công tác liên quan đến lĩnh vực Văn phòng |
| 15 | VP Ủy ban nhân dân tỉnh | 99 | 92 | 7 | 2 | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | 3 | | |
| TỔNG CỘNG | | 1647 | 1502 | 145 | 52 | 79 | | 7 | 4 | 5 | 10 | 7 | | 6 | 16 | 3 | | 5 | | | 5 | 11 | | |

CHI TIẾT NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2026 (CẤP TỈNH)
 (Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Ghi đúng theo Phụ lục II - Danh mục VTVL công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp bộ, cấp tỉnh - ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ) | Dự kiến tỷ lệ công chức bổ tri theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | Công tác tại | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Ghi chú |
|----------|--|--|---|--|--------------------------------------|---|--|
| (1) | (2) | (3) = (4) + (5) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | BQL KHU KINH TẾ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP | 7 | 4 | 3 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch</i> | 6 | 4 | 2 | | | |
| 1.1 | Kế toán viên | 2 | 1 | 1 | Văn phòng | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, tài chính | |
| 1.2 | Chuyên viên về quản lý đầu tư | 4 | 3 | 1 | Phòng Kế hoạch - Đầu tư và Xúc tiến | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Kinh tế, Tài chính - Đầu tư | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ</i> | 1 | 0 | 1 | | | |
| 1.3 | Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số | 1 | 0 | 1 | Văn phòng | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ sư Công nghệ thông tin; Cử nhân Tin học | |
| 2 | SỞ CÔNG THƯƠNG | 7 | 0 | 7 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Công Thương</i> | 7 | 0 | 7 | | | |
| 2.1 | Chuyên viên về Quản lý Năng lượng | 2 | 0 | 2 | Phòng Quản lý Năng lượng | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Điện; Quy hoạch; Xây dựng; Năng lượng tái tạo; Điện công nghiệp | |
| 2.2 | Chuyên viên về Quản lý Công nghiệp | 1 | 0 | 1 | Phòng Quản lý Công nghiệp | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật công nghiệp; Cơ khí; Hóa chất; Vật liệu; Công nghệ chế tạo; Công nghệ chế biến | |
| 2.3 | Kiểm soát viên về quản lý thị trường | 4 | 0 | 4 | Chi cục Quản lý Thị trường | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế; Thương mại; Quản trị kinh doanh; Luật; Quản lý thị trường; Kế toán | |
| 3 | SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO | 11 | 6 | 5 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Nội vụ, Tổ chức cán bộ</i> | 1 | 0 | 1 | | | |
| 3.1 | Chuyên viên về tổ chức cán bộ | 1 | 0 | 1 | Văn phòng | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý nhà nước; Quản trị văn phòng; Quản trị nhân lực; Hành chính công; Quản lý công; Công nghệ thông tin; Chuyển đổi số | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Dân tộc, Tôn giáo</i> | 10 | 6 | 4 | | | |
| 3.2 | Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo | 10 | 6 | 4 | Phòng Nghiệp vụ Tôn giáo | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tôn giáo học; Luật, Hành chính; Ngữ văn; Lịch sử; Việt Nam học; Triết học; Văn hóa học | Trong đó có 02/04 chỉ tiêu ưu tiên tuyển dụng là người đồng bào DTTS |
| 4 | SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | 20 | 5 | 14 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ</i> | 15 | 2 | 12 | | | |
| 4.1 | Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số | 10 | 1 | 8 | Phòng Chuyển đổi số | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Công nghệ phần mềm; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin quản lý; Kỹ thuật máy tính; Khoa học máy tính; Khoa học dữ liệu; Khoa học dữ liệu ứng dụng; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; Thương mại điện tử; Trí tuệ nhân tạo và Robotics; An toàn thông tin; An ninh mạng; Trí tuệ nhân tạo (AI); Mạng máy tính; Mạng máy tính và truyền thông tin dữ liệu; Công nghệ đa phương tiện; Công nghệ phần mềm; Công nghệ web; Vi mạch bán dẫn; Công nghệ Internet vạn vật; Điện toán đám mây; Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số; Kiểm thử phần mềm; Sư phạm Tin học; Toán tin | |
| 4.2 | Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo) | 4 | 1 | 3 | Phòng Khoa học và Công nghệ | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật; Kinh tế; Luật | |
| 4.3 | Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường | 1 | 0 | 1 | Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Điện - Điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Vật lý kỹ thuật; Cơ khí; Công nghệ Hóa học | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Tư pháp, pháp chế</i> | 4 | 3 | 1 | | | |
| 4.4 | Chuyên viên về hành chính tư pháp | 4 | 3 | 1 | Phòng Pháp chế | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Văn phòng</i> | 1 | 0 | 1 | | | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Ghi đúng theo Phụ lục II - Danh mục VTVL công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp bộ, cấp tỉnh - ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ) | Dự kiến tỷ lệ công chức bổ trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | Công tác tại | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Ghi chú |
|-----|--|--|---|--|---|---|---------|
| 4.5 | Chuyên viên về tổng hợp. | 1 | 0 | 1 | Văn phòng Sở | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Hành chính; Công nghệ thông tin | |
| 5 | SỐ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | 0 | 0 | 0 | | | |
| 6 | SỐ NỘI VỤ | 19 | 13 | 6 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Nội vụ, Tổ chức cán bộ</i> | 18 | 13 | 5 | | | |
| 6.1 | Chuyên viên về chính quyền địa phương | 5 | 4 | 1 | Phòng Xây dựng chính quyền và Công tác thanh niên | Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành Quản lý nhà nước/Chuyên ngành: Quản lý kinh tế; Quản lý Công; Hành chính công; Luật; Hành chính | |
| 6.2 | Chuyên viên về Tổ chức - biên chế | 4 | 3 | 1 | Phòng Tổ chức, Biên chế và Công chức, Viên chức | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Hành chính; Kinh doanh và quản lý; Pháp luật; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước | |
| 6.3 | Chuyên viên về Cán bộ, công chức, viên chức và công vụ | 4 | 3 | 1 | Phòng Tổ chức, Biên chế và Công chức, Viên chức | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Hành chính; Kinh doanh và quản lý; Pháp luật; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước | |
| 6.4 | Chuyên viên về Tổ chức cán bộ | 2 | 1 | 1 | Phòng Tổ chức, Biên chế và Công chức, Viên chức | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Hành chính; Kinh doanh và quản lý; Pháp luật; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước | |
| 6.5 | Chuyên viên về cải cách hành chính | 3 | 2 | 1 | Phòng Cải cách hành chính và Văn thư lưu trữ | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý nhà nước; Hành chính công; Chính sách công; Quản lý kinh tế; Luật | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Tư pháp, pháp chế</i> | 1 | 0 | 1 | | | |
| 6.6 | Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật | 1 | 0 | 1 | Phòng Pháp chế | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Luật Hành chính | |
| 7 | SỐ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG | 0 | 0 | 0 | | | |
| 8 | SỐ TÀI CHÍNH | 30 | 21 | 5 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Văn phòng</i> | 1 | 0 | 1 | | | |
| 8.1 | Chuyên viên về hành chính - văn phòng | 1 | 0 | 1 | Văn phòng Sở | Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm chuyên ngành: Quản trị nhân sự | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch</i> | 29 | 21 | 4 | | | |
| 8.2 | Chuyên viên về quản lý đầu tư | 12 | 9 | 1 | Phòng Quản lý Đầu tư ngoài ngân sách | Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm chuyên ngành: Kinh tế | |
| 8.3 | Chuyên viên về quản lý giá | 6 | 4 | 2 | Phòng Quản lý Giá và Công sản | Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm chuyên ngành: Quản lý Đất đai | |
| 8.4 | Chuyên viên về quản lý tài chính ngân sách nhà nước | 11 | 8 | 1 | Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp | Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm chuyên ngành: Kinh tế; Tài chính | |
| 9 | SỐ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH | 13 | 7 | 6 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch</i> | 2 | 0 | 2 | | | |
| 9.1 | Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước | 1 | 0 | 1 | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán; Tài chính - Kế toán | |
| 9.2 | Chuyên viên về quản lý tài sản công | 1 | 0 | 1 | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán; Tài chính - Kế toán | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Thanh tra</i> | 3 | 2 | 1 | | | |
| 9.3 | Chuyên viên về giải quyết khiếu nại tố cáo | 3 | 2 | 1 | Phòng Pháp chế | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật (tổng hợp); Luật Hành chính | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và Du lịch</i> | 8 | 5 | 3 | | | |
| 9.4 | Chuyên viên quản lý thể dục thể thao cho mọi người | 4 | 2 | 2 | Phòng Quản lý Thể dục thể thao | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Thể dục thể thao; Luật hành chính | |
| 9.5 | Chuyên viên quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp | 4 | 3 | 1 | Phòng Quản lý Thể dục thể thao | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Thể dục thể thao; Luật hành chính | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Ghi đúng theo Phụ lục II - Danh mục VTVL công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp bộ, cấp tỉnh - ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ) | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | Công tác tại | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Ghi chú |
|--|--|--|---|--|---|--|---------|
| 10 | SỐ XÂY DỰNG | 29 | 22 | 7 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Xây dựng</i> | 25 | 19 | 6 | | | |
| 10.1 | Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng | 4 | 3 | 1 | Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Giao thông; Thù lợi; Vật liệu xây dựng; Quy hoạch; Kiến trúc; Luật; Hành chính | |
| 10.2 | Chuyên viên về quản lý về nhà ở | 7 | 5 | 2 | Phòng Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng; Giao thông; Quy hoạch; Luật; Kinh tế; Quản lý đất đai | |
| 10.3 | Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông | 6 | 5 | 1 | Phòng Quản lý giao thông | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Cầu đường; Cầu hầm; Quản lý dự án; Xây dựng; Giao thông | |
| 10.4 | Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông | 8 | 6 | 2 | Phòng Quản lý giao thông; Cảng vụ Đường thủy nội địa | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Cầu đường; Cầu hầm; Quản lý dự án; Xây dựng; Giao thông | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch</i> | 4 | 3 | 1 | | | |
| 10.5 | Chuyên viên về quản lý giá | 4 | 3 | 1 | Phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng/ Phòng Quản lý vận tải | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng; Giao thông; Luật; Kinh tế; Vật liệu xây dựng; Tài chính; Thuế; Kế toán | |
| 11 | SỐ Y TẾ | 27 | 16 | 11 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Nội vụ, Tổ chức cán bộ</i> | 2 | 1 | 1 | | | |
| 11.1 | Chuyên viên tổ chức - biên chế | 2 | 1 | 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng; Y tế công cộng | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực khoa học và công nghệ</i> | 1 | 0 | 1 | | | |
| 11.2 | Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số | 1 | 0 | 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Văn phòng</i> | 1 | 0 | 1 | | | |
| 11.3 | Chuyên viên về lưu trữ | 1 | 0 | 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ học; Lưu trữ học và quản trị văn phòng | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Y tế</i> | 5 | 3 | 2 | | | |
| 11.4 | Chuyên viên về phòng bệnh | 2 | 1 | 1 | Phòng Nghiệp vụ Y | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng; Y tế công cộng | |
| 11.5 | Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh | 3 | 2 | 1 | Phòng Nghiệp vụ Y | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Tư pháp Pháp chế</i> | 3 | 1 | 2 | | | |
| 11.6 | Chuyên viên về xây dựng pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật | 2 | 1 | 1 | Phòng Pháp chế | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật Hành chính | |
| 11.7 | Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính | 1 | 0 | 1 | Phòng Pháp chế | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật Kinh tế; Luật Dân sự | |
| CHI CỤC DÂN SỐ | | 4 | 2 | 2 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực khoa học công nghệ</i> | 1 | 0 | 1 | | | |
| 11.8 | Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số | 1 | 0 | 1 | Phòng Hành chính - Tổng hợp | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Y tế</i> | 3 | 2 | 1 | | | |
| 11.9 | Chuyên viên về Dân số | 3 | 2 | 1 | Phòng Nghiệp vụ | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y tế công cộng; Bác sĩ Y học Dự phòng | |
| CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM | | 11 | 9 | 2 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Y tế</i> | 11 | 9 | 2 | | | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Ghi đúng theo Phụ lục II - Danh mục VTVL công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp bộ, cấp tỉnh - ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ) | Dự kiến tỷ lệ công chức bổ trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | Công tác tại | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Ghi chú |
|------------------|--|--|---|--|---|---|---------|
| 11.10 | Chuyên viên Quản lý về an toàn thực phẩm | 11 | 9 | 2 | Phòng Nghiệp vụ | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Bác sĩ hoặc Cử nhân Y tế công cộng; Kỹ sư/Cử nhân Công nghệ thực phẩm; Kỹ sư/Cử nhân Công nghệ sinh học | |
| 12 | SỐ TƯ PHÁP | 0 | 0 | 0 | | | |
| 13 | THANH TRA TỈNH | 18 | 10 | 8 | | | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Tư pháp, pháp chế</i> | 1 | 0 | 1 | | | |
| 13.1 | Chuyên viên về hành chính, tư pháp | 1 | 0 | 1 | Văn phòng | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật Hành chính | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch</i> | 1 | 0 | 1 | | | |
| 13.2 | Kế toán viên | 1 | 0 | 1 | Văn phòng | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán; Tài chính | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Văn phòng</i> | 1 | 0 | 1 | | | |
| 13.3 | Văn thư viên | 1 | 0 | 1 | Văn phòng | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ học; Lưu trữ học và quản trị văn phòng | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ</i> | 2 | 1 | 1 | | | |
| 13.4 | Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số | 2 | 1 | 1 | Văn phòng | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | <i>Ngành, Lĩnh vực Thanh tra</i> | 13 | 9 | 4 | | | |
| 13.5 | Chuyên viên về công tác thanh tra | 5 | 3 | 2 | Phòng Thanh tra khối ngành tư pháp, nội vụ | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| 8 | | 6 | 2 | Phòng Thanh tra khối ngành nông nghiệp, môi trường | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên môi trường | | |
| 14 | VP ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH | 17 | 11 | 4 | | | |
| 14.1 | Chuyên viên về Công tác Quốc hội | 7 | 5 | 2 | Phòng Công tác Quốc hội | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Luật; Kinh tế; Tài chính; Quản lý công; Hành chính | |
| 14.2 | Chuyên viên về Công tác Hội đồng nhân dân | 10 | 6 | 2 | Phòng Công tác Hội đồng nhân dân | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Luật; Kinh tế; Tài chính; Quản lý công; Hành chính | |
| 15 | VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH | 6 | 3 | 3 | | | |
| | <i>Ngành, lĩnh vực Văn phòng</i> | 6 | 3 | 3 | | | |
| 15.3 | Chuyên viên về tổng hợp | 1 | 0 | 1 | Phòng Khoa giáo - Văn xã | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Hành chính | |
| | Chuyên viên về tổng hợp | 2 | 1 | 1 | Phòng Hành chính - Tổ chức | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Hành chính | |
| 15.4 | Văn thư viên | 3 | 2 | 1 | Phòng Hành chính - Tổ chức | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn thư lưu trữ; Quản trị văn phòng | |
| TỔNG CỘNG | | 204 | 118 | 79 | | | |

CHI TIẾT NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2026 (CẤP XÃ)
(ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Ghi chú |
|----------------|--|--|---|--|--|---------|
| (1) | (2) | (3) = (4) + (5) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ | | | | | |
| | Lĩnh vực Văn phòng | | | | | |
| II - 9 | Chuyên viên tham mưu, giúp việc Hội đồng nhân dân | 4 | 1 | 3 | | |
| | Xã Diên Khánh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: tài chính, kế toán | |
| | Xã Thuận Nam | 2 | 0 | 2 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động | |
| II - 10 | Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng | 22 | 8 | 14 | | |
| | Phường Bắc Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản trị văn phòng, Hành chính học, Văn thư - Lưu trữ, Luật, Quản trị kinh doanh, Kinh tế, hoặc các ngành Khoa học xã hội & Nhân văn | |
| | Phường Nam Nha Trang | 2 | 0 | 2 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Ngôn ngữ học (Tiếng Anh), Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý hành chính công | |
| | Xã Nam Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học Luật | |
| | Phường Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học trở lên các ngành Luật, Quản lý nhà nước, Kinh tế, Sư phạm | |
| | Phường Hòa Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Hành chính, Luật | |
| | Xã Diên Lạc | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản lý văn hoá; Quản trị kinh doanh; Tài chính; Kinh tế | |
| | Xã Diên Điền | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản lý văn hoá; Quản trị kinh doanh; Tài chính; Kinh tế | |
| | Xã Diên Lâm | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý hành chính công | |
| | Xã Cam An | 4 | 3 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | Xã Bắc Khánh Vĩnh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản lý văn hoá; Quản trị kinh doanh; Tài chính; Kinh tế | |
| | Xã Phước Hậu | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Cử nhân Quản trị Văn phòng; Cử nhân Hành chính - Văn phòng, Cử nhân Luật Tổng hợp hoặc Luật Hành chính | |
| | Xã Thuận Nam | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản lý văn hoá; Quản trị kinh doanh; Tài chính; Kinh tế | |
| | Xã Bắc Ái Tây | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| II - 11 | Chuyên viên về hành chính - văn phòng, quản trị công sở | 15 | 7 | 8 | | |
| | Xã Diên Khánh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Diên Điền | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản lý văn hoá; Quản trị kinh doanh | |
| | Xã Cam Lâm | 4 | 3 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | Xã Suối Dầu | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Hành chính nhà nước; Quản trị văn phòng; Văn phòng tổng hợp | |
| | Xã Cam Hiệp | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Hành chính học, Quản trị văn phòng, Quản lý công, Luật, Văn thư - Lưu trữ | |
| | Xã Khánh Sơn | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản lý văn hoá; Quản trị kinh doanh | |
| | Xã Cà Ná | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý nhà nước | |
| | Xã Ninh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học Kế toán | |
| | Lĩnh vực Tư pháp | | | | | |
| II - 12 | Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp | 13 | 5 | 8 | | |
| | Phường Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | Xã Tân Định | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | Xã Vạn Ninh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý Nhà nước; Hành chính; Chính sách công; Kinh tế - Luật | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Chi chú |
|----------------|--|--|---|--|--|---------|
| | Xã Suối Dầu | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý nhà nước; Hành chính nhà nước; Kinh tế - Luật | |
| | Xã Cam Hiệp | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | Xã Vĩnh Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Kinh tế - Luật; Quản lý nhà nước; Hành chính | |
| | Xã Thuận Bắc | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | Xã Ninh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật kinh tế | |
| | Lĩnh vực Đối ngoại | | | | | |
| II - 13 | Chuyên viên về lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế, biên giới, lãnh thổ quốc gia | 2 | 0 | 2 | | |
| | Xã Tân Định | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính công, Quản lý nhà nước | |
| | Phường Đông Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quan hệ quốc tế; Quan hệ công chúng; Báo chí; Truyền thông; Ngoại ngữ; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Quản lý văn hoá; Kinh tế - Luật; Kinh tế. | |
| | Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch | | | | | |
| II - 14 | Chuyên viên về lĩnh vực tài chính | 37 | 16 | 19 | | |
| | Phường Hòa Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán | |
| | Xã Đại Lãnh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành hoặc nhóm ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán | |
| | Xã Diên Khánh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính hoặc kinh tế | |
| | Xã Suối Dầu | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, kế toán, kiểm toán, Tài chính nhà nước, Tài chính công | |
| | Xã Cam Hiệp | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán | |
| | Xã Tây Khánh Vĩnh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán | |
| | Xã Nam Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán | |
| | Xã Khánh Vĩnh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế | |
| | Xã Tây Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Kế toán, tài chính, kiểm toán, ngân hàng | |
| | Xã Thuận Nam | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính; Kế toán; Kiểm toán | |
| | Xã Phước Dinh | 6 | 2 | 2 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học Kế toán; Kiểm toán; Kế toán - Tài chính; Tài chính Nhà nước | |
| | Xã Vĩnh Hải | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Tài chính nhà nước; Tài chính ngân hàng | |
| | Xã Công Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính Nhà nước, Tài chính công | |
| | Xã Ninh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính Nhà nước, Tài chính công | |
| | Xã Anh Dũng | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán | |
| | Phường Phan Rang | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Tài chính; Kế toán | |
| | Phường Ninh Chữ | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính | |
| | Phường Đò Vinh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính - Kế toán | |
| II - 15 | Chuyên viên về lĩnh vực kế hoạch, đầu tư, thống kê | 19 | 4 | 15 | | |
| | Phường Tây Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế, Quy hoạch, Đầu tư, Tài chính, Thương mại, hoặc Thống kê | |
| | Phường Ba Ngòi | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế phát triển, kinh tế kế hoạch và đầu tư | |
| | Xã Nam Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế - Đầu tư | |
| | Phường Hòa Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính công, Kinh tế | |
| | Xã Tân Định | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Chi chú |
|----------------|--|--|---|--|---|---------|
| | Xã Nam Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Đồ thị, Trắc địa, Công nghệ vật liệu, Kinh tế, Giao thông vận tải, cấp thoát nước, điện, kinh tế xây dựng | |
| | Xã Vạn Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán; Tài chính; Quản trị kinh doanh; Kinh tế; Luật; Luật Kinh tế; Quản lý nhà nước | |
| | Xã Diên Điền | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế (kinh tế phát triển, kinh tế đầu tư...), kế hoạch và đầu tư, tài chính, thống kê, quản lý nhà nước về kinh tế | |
| | Xã Nam Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán | |
| | Xã Phước Hậu | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Quản trị Kinh doanh hoặc nhóm ngành kinh tế | |
| | Xã Cà Ná | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Kế toán | |
| | Xã Ninh Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế, Kế toán, Quản trị kinh doanh | |
| | Xã Lâm Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế, Luật Kinh tế, Kế toán | |
| | Xã Bắc Ái | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý Quy hoạch, xây dựng, kiến trúc | |
| | Phường Đông Hải | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế (kinh tế phát triển, kinh tế đầu tư...), kế hoạch và đầu tư, tài chính, thống kê, quản lý nhà nước về kinh tế | |
| II - 16 | Chuyên viên về lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể | 3 | 0 | 3 | | |
| | Phường Bắc Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật (Luật kinh tế, Luật dân sự), Kinh tế (Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển), Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, hoặc Kế toán | |
| | Phường Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Quản trị Kinh doanh | |
| | Xã Nam Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Đồ thị, Trắc địa, Công nghệ vật liệu, Kinh tế, Giao thông vận tải, cấp thoát nước, điện, kinh tế xây dựng | |
| | Lĩnh vực Xây dựng | | | | | |
| II - 17 | Chuyên viên về lĩnh vực quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc | 17 | 0 | 17 | | |
| | Phường Bắc Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch vùng và đô thị (mã 7580105), Kiến trúc, Kiến trúc cảnh quan, Quản lý đô thị và công trình, và Kỹ thuật hạ tầng đô thị | |
| | Phường Tây Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch, Kiến trúc, Kiến trúc đô thị, hoặc Hạ tầng kỹ thuật | |
| | Phường Bắc Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Quản lý Đô thị và công trình, Kỹ thuật xây dựng dân dụng và Công nghiệp, Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông | |
| | Phường Cam Linh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kiến trúc sư quy hoạch | |
| | Phường Đông Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Kiến trúc và quy hoạch; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng | |
| | Xã Bắc Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế xây dựng | |
| | Xã Vạn Ninh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Đồ thị, Trắc địa, Công nghệ vật liệu, Kinh tế, Giao thông vận tải, cấp thoát nước, điện, kinh tế xây dựng | |
| | Xã Vạn Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch, ngành Xây dựng, ngành Kiến trúc, ngành Kỹ thuật điện | |
| | Xã Diên Khánh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch kiến trúc | |
| | Xã Diên Thọ | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ sư xây dựng, kiến trúc sư quy hoạch | |
| | Xã Trung Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Đồ thị, Trắc địa, Công nghệ vật liệu, Kinh tế, Giao thông vận tải, cấp thoát nước, điện, kinh tế xây dựng | |
| | Xã Phước Hữu | 2 | 0 | 2 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật Xây dựng; Kiến trúc | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Chi chú |
|----------------|---|--|---|--|---|---------|
| | Xã Thuận Nam | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Đồ thị, Trắc địa, Công nghệ vật liệu, Kinh tế, Giao thông vận tải, cấp thoát nước, điện, kinh tế xây dựng | |
| | Xã Vĩnh Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án; Kiến trúc và quy hoạch; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Đồ thị, Trắc địa; Công nghệ vật liệu; Kinh tế; Giao thông vận tải, Cấp thoát nước; Kinh tế xây dựng | |
| | Xã Thuận Bắc | 1 | | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: xây dựng, kiến trúc, quy hoạch | |
| | Phường Đông Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Đồ thị, Trắc địa, Công nghệ vật liệu, Kinh tế, Giao thông vận tải, cấp thoát nước, điện, kinh tế xây dựng | |
| II - 18 | Chuyên viên về lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, vật liệu xây dựng, nhà ở, công sở | 27 | 2 | 24 | | |
| | Phường Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Quy hoạch xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình, Phát triển đô thị | |
| | Xã Nam Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: kỹ sư xây dựng | |
| | Phường Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải | |
| | Phường Hòa Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng | |
| | Xã Bắc Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Quy hoạch xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình, Phát triển đô thị | |
| | Xã Tân Định | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng công trình, Kỹ thuật xây dựng | |
| | Xã Tây Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Quy hoạch, Kiến trúc | |
| | Xã Hòa Trí | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng | |
| | Xã Vạn Hưng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng | |
| | Xã Tu Bông | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông | |
| | Xã Diên Lạc | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông | |
| | Xã Suối Hiệp | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng; Kỹ thuật hạ tầng đô thị; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Quản lý đô thị; Kiến trúc công trình; Giao thông đô thị; Kỹ thuật công trình giao thông; Địa chính – quản lý đất đai | |
| | Xã Suối Dầu | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Quy hoạch xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình. | |
| | Xã Ninh Phước | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng | |
| | Xã Phước Hậu | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ sư Xây dựng, hoặc Kiến trúc sư | |
| | Xã Thuận Nam | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Quy hoạch xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình, Phát triển đô thị | |
| | Xã Cà Ná | 2 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng | |
| | Xã Xuân Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: quản lý xây dựng, quy hoạch, đầu tư | |
| | Xã Công Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng | |
| | Xã Anh Dũng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng (Kỹ thuật xây dựng hoặc Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng) | |
| | Xã Bắc Ái | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đầu tư Xây dựng | |
| | Phường Phan Rang | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch; Kiến trúc; Xây dựng | |
| | Phường Bảo An | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng | |
| | Phường Đô Vinh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng | |
| II - 19 | Chuyên viên về lĩnh vực giao thông | 10 | 0 | 10 | | |
| | Phường Tây Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giao thông vận tải, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế vận tải, Quy hoạch đô thị, Quản lý giao thông | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Chi chú |
|----------------|--|--|---|--|---|---------|
| | Xã Bắc Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giao thông, Kinh tế vận tải, Kỹ thuật giao thông, Xây dựng công trình giao thông | |
| | Xã Vạn Ninh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giao thông, Xây dựng, Kinh tế vận tải, Kỹ thuật giao thông, Xây dựng công trình giao thông | |
| | Xã Diên Điền | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giao thông, Xây dựng, Kinh tế vận tải, Kỹ thuật giao thông, Xây dựng công trình giao thông | |
| | Xã Cam Hiệp | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng | |
| | Xã Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giao thông, Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | |
| | Xã Đông Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: kỹ thuật xây dựng công nghệ giao thông, chuyên ngành Giao thông | |
| | Xã Cà Ná | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: xây dựng, giao thông vận tải | |
| | Xã Phước Dinh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: chuyên ngành Giao thông; Kinh tế vận tải; Kỹ Thuật Giao thông; Xây dựng công trình Giao thông | |
| | Xã Anh Dũng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | |
| | Lĩnh vực Công Thương | | | | | |
| II - 20 | Chuyên viên về lĩnh vực Công Thương | 10 | 0 | 10 | | |
| | Phường Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Quản trị Kinh doanh, Luật - Kinh tế, Kinh tế học | |
| | Xã Vạn Ninh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế học (nhóm ngành), Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - kiểm toán, Luật kinh tế, Thương mại, Ngoại thương, Quản trị kinh doanh | |
| | Xã Đại Lãnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý công nghiệp; Quản trị kinh doanh; Kinh tế | |
| | Xã Diên Điền | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế học (nhóm ngành), Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - kiểm toán, Luật kinh tế, Thương mại, Ngoại thương, Quản trị kinh doanh | |
| | Xã Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật kinh tế, Thương mại, Ngoại thương, Quản trị kinh doanh | |
| | Xã Cà Ná | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: tài chính, quản trị kinh doanh | |
| | Xã Phước Hà | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng | |
| | Xã Phước Dinh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Ngoại Thương; Thương Mại; Quản trị kinh doanh; Kinh tế học | |
| | Xã Bắc Ái Tây | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Công nghệ; Tài chính; Kinh tế | |
| | Phường Đông Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế học (nhóm ngành), Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - kiểm toán, Luật kinh tế, Thương mại, Ngoại thương, Quản trị kinh doanh | |
| | Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường | | | | | |
| II - 21 | Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo | 6 | 1 | 5 | | |
| | Xã Diên Lâm | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Nông nghiệp | |
| | Xã Cam Hiệp | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Nông nghiệp | |
| | Xã Tây Khánh Vĩnh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp | |
| | Xã Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Nông nghiệp (Trồng trọt, Chăn nuôi, Khuyến nông, Kỹ thuật nông nghiệp...); Thủy lợi. | |
| | Xã Xuân Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: quản lý đất đai | |
| II - 22 | Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn | 2 | 0 | 2 | | |
| | Xã Hòa Trí | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: quản lý đất đai, nông nghiệp và môi trường | |
| | Xã Vạn Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, ngành nhóm: Nông, lâm nghiệp và thủy sản | |
| II - 23 | Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản | 55 | 26 | 29 | | |
| | Phường Nam Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai | |
| | Phường Ba Ngòi | 2 | 0 | 2 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai | |
| | Phường Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai, Tài nguyên môi trường, Luật | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bổ trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Chi chú |
|----------------|--|--|---|--|--|---------|
| | Phường Đông Ninh Hòa | 2 | 0 | 2 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa; Luật | |
| | Xã Bắc Ninh Hòa | 2 | 0 | 2 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai | |
| | Xã Tân Định | 4 | 2 | 2 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai | |
| | Xã Vạn Thắng | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Địa chính; Đất đai; Trắc địa; Quản lý đất đai; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa | |
| | Xã Đại Lãnh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Địa chính; Đất đai; Trắc địa; Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ môi trường; Địa lý - Môi trường; Địa lý tài nguyên và môi trường; Kỹ thuật tài nguyên nước; Khoa học môi trường | |
| | Xã Diên Khánh | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai | |
| | Xã Suối Hiệp | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai; Địa chính; Địa chính – quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường; Hệ thống thông tin đất đai; GIS và viễn thám; Tài nguyên và môi trường; Quản lý công nghệ môi trường và đô thị | |
| | Xã Diên Thọ | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai có kinh nghiệm công tác | |
| | Xã Cam An | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| | Xã Trung Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học và quản lý môi trường, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Đất đai, Địa chính, bản đồ | |
| | Xã Ninh Phước | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai | |
| | Xã Phước Hậu | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản | |
| | Xã Thuận Nam | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học và quản lý môi trường, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Mô địa chất | |
| | Xã Ninh Hải | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Sinh học | |
| | Xã Vĩnh Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học và Quản lý môi trường; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Mô - địa chất | |
| | Xã Công Hải | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Lâm nghiệp, đo đạc, quản lý đất đai | |
| | Xã Lâm Sơn | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai | |
| | Xã Mỹ Sơn | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Địa chất, Kỹ thuật trắc địa, bản đồ; Nguyên liệu khoáng sản, Địa chất học, bản đồ học, kinh tế tài nguyên thiên nhiên | |
| | Xã Bắc Ái | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai | |
| | Phường Phan Rang | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý đất đai | |
| | Phường Ninh Chữ | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai | |
| | Phường Bảo An | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai | |
| II - 24 | Chuyên viên về lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước | 7 | 0 | 7 | | |
| | Xã Nam Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Môi trường | |
| | Xã Tân Định | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ Kỹ thuật Môi trường | |
| | Xã Vạn Ninh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học và quản lý môi trường, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Quản lý tài nguyên nước, Công nghệ hóa môi trường, Quản lý môi trường, Sinh học | |
| | Xã Diên Lâm | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Môi trường | |
| | Xã Thuận Bắc | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài nguyên và Môi trường | |
| | Phường Ninh Chữ | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý môi trường hoặc Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| | Phường Bảo An | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường, kỹ thuật môi trường, quản lý tài nguyên môi trường | |
| | Lĩnh vực Nội vụ | | | | | |
| II - 25 | Chuyên viên về lĩnh vực nội vụ | 18 | 4 | 13 | | |
| | Phường Bắc Nha Trang | 2 | 0 | 2 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý Nhà nước, Công tác xã hội, Quản lý văn hóa, Quản trị văn phòng – lưu trữ | |
| | Phường Tây Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Chi chú |
|----------------|---|--|---|--|--|---------|
| | Phường Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính công, Quản lý công, Quản trị Văn phòng, Lưu trữ học, Quản lý nhà nước, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền | |
| | Phường Hòa Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Hành chính học, Quản trị nhân lực, Quản lý nhà nước, Luật | |
| | Xã Tân Định | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | Xã Tây Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật (nhóm ngành), Kinh tế học, Khoa học chính trị, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Chính sách công, Công tác xã hội, Xã hội học, Văn thư - Lưu trữ | |
| | Xã Trung Khánh Vĩnh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật (nhóm ngành), Kinh tế học, Khoa học chính trị, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Chính sách công, Công tác xã hội, Xã hội học, Văn thư - Lưu trữ | |
| | Xã Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế Luật | |
| | Xã Ninh Phước | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý nhà nước, Hành chính học, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Chính sách công | |
| | Xã Thuận Nam | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật (nhóm ngành), Kinh tế học, Khoa học chính trị, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Chính sách công, Công tác xã hội, Xã hội học, Văn thư - Lưu trữ | |
| | Xã Cà Ná | 2 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính công, Quản lý công, Quản trị Văn phòng, Lưu trữ học, Quản lý nhà nước, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền | |
| | Phường Đô Vinh | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành Luật, Quản lý nhà nước, Hành chính học | |
| II - 26 | Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới | 4 | 0 | 4 | | |
| | Phường Nam Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý nhà nước, Chính sách công, Quản trị nhân lực, Văn thư - lưu trữ | |
| | Xã Nam Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học công tác xã hội | |
| | Xã Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý nhà nước, Quản lý công Xã hội học, Tài chính, Quản trị nhân lực | |
| | Phường Đông Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý nhà nước, Quản lý công Xã hội học, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính, Quản trị nhân lực | |
| II - 27 | Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo | 3 | 1 | 2 | | |
| | Xã Công Hải | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Xã hội học, Văn hóa học | |
| | Xã Bắc Ái Tây | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học chuyên ngành Luật; Xã hội học; Hành chính | |
| | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo | | | | | |
| II - 28 | Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo | 26 | 8 | 21 | | |
| | Phường Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục | |
| | Phường Nam Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý giáo dục, Giáo dục học, Sư phạm, Tâm lý học giáo dục, Công nghệ thông tin, Luật | |
| | Phường Bắc Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục | |
| | Xã Bắc Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục | |
| | Xã Hòa Trí | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục | |
| | Xã Vạn Ninh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục, Tâm lý học | |
| | Xã Tu Bông | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục | |
| | Xã Đại Lãnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục | |
| | Xã Diên Điền | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục, Tâm lý học, Công nghệ thông tin, Xã hội học, Luật | |
| | Xã Suối Hiệp | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục, Tâm lý học, Công nghệ thông tin, Xã hội học, Luật | |
| | Xã Suối Dầu | 1 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục | |
| | Xã Cam Hiệp | 1 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục | |
| | Xã Tây Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm | |
| | Xã Ninh Phước | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục, Xã hội học | |
| | Xã Cà Ná | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Chi chú |
|----------------|--|--|---|--|--|---------|
| | Xã Ninh Hải | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm | |
| | Xã Xuân Hải | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý Sư phạm | |
| | Xã Vĩnh Hải | 1 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm; Quản lý giáo dục; Giáo dục chính trị; Tâm lý học; Xã hội học; Giáo dục học | |
| | Xã Công Hải | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giáo dục và đào tạo; Sư phạm; Quản lý giáo dục | |
| | Xã Bắc Ái | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý giáo dục | |
| | Phường Bảo An | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giáo dục học, quản lý giáo dục, giáo dục tiểu học | |
| | Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin | | | | | |
| II - 29 | Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo | 4 | 0 | 4 | | |
| | Phường Nam Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý văn hóa; Văn hóa học; Thể dục thể thao; Du lịch; Quảng cáo; Truyền thông; Báo chí; Quan hệ công chúng; Công tác gia đình; Luật; Hành chính học; Quản lý công | |
| | Xã Tây Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn hóa học, Công tác xã hội | |
| | Xã Diên Điền | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn hóa học, Xã hội học, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Thể dục thể thao, Truyền thông | |
| | Xã Thuận Nam | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn hóa học, Xã hội học, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Thể dục thể thao, Truyền thông | |
| II - 30 | Chuyên viên về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số | 21 | 0 | 21 | | |
| | Phường Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Báo chí, truyền thông | |
| | Phường Ba Ngòi | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Nam Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Phường Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông | |
| | Xã Nam Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Báo chí, Truyền hình, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Kinh tế số, Thương mại điện tử | |
| | Xã Vạn Ninh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Báo chí, Truyền thông, Quan hệ quốc tế, Công nghệ thông tin, Thương mại điện tử, Chuyển đổi số | |
| | Xã Vạn Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý văn hóa; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Tri tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin | |
| | Xã Diên Lạc | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Báo chí, Truyền thông, Quan hệ quốc tế, Công nghệ thông tin, Thương mại điện tử, Quản lý công, Kinh tế | |
| | Xã Diên Lâm | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Báo chí, Truyền thông | |
| | Xã Suối Hiệp | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Báo chí, Truyền thông, Quan hệ quốc tế, Công nghệ thông tin, Thương mại điện tử, Quản lý công, Kinh tế, Luật | |
| | Xã Suối Dầu | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin và các ngành liên quan đến công nghệ thông tin | |
| | Xã Cam An | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Nam Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Chuyển đổi số, Quản lý chuyển đổi số; Hệ thống thông tin quản lý và các chuyên ngành khác liên quan đến công nghệ thông tin, chuyển đổi số | |
| | Xã Phước Hữu | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tin học, Công nghệ thông tin | |
| | Xã Phước Hậu | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Cà Ná | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Báo chí, truyền thông | |
| | Xã Lâm Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Anh Dũng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Bắc Ái | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Phường Đông Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Báo chí, Truyền thông, Quan hệ quốc tế, Công nghệ thông tin, Thương mại điện tử, Quản lý công, Kinh tế | |
| | Phường Đô Vinh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chi tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Chi chú |
|----------------|---|--|---|--|---|---------|
| II - 31 | Chuyên viên về lĩnh vực nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân | 12 | 0 | 12 | | |
| | Phường Tây Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Phường Bắc Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ truyền thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin | |
| | Phường Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | |
| | Phường Hòa Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Nam Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý công, Khoa học vật lý, Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Hóa học | |
| | Xã Tu Bông | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ truyền thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin | |
| | Xã Đại Lãnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ truyền thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin | |
| | Xã Cam Lâm | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Tin học | |
| | Xã Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, kỹ thuật phần mềm, Công nghệ phần mềm, mạng máy tính, hệ thống thông tin | |
| | Xã Phước Dinh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Thương Mại điện tử; Quản lý công | |
| | Xã Bắc Ái Đông | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật – công nghệ | |
| | Xã Bắc Ái Tây | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin | |
| | Lĩnh vực Y tế | | | | | |
| II - 32 | Chuyên viên về lĩnh vực y tế. | 22 | 2 | 20 | | |
| | Phường Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật y học, Y tế công cộng, Quản lý y tế | |
| | Phường Bắc Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Y học dự phòng, Y tế công cộng | |
| | Phường Tây Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y dược hoặc công nghệ thực phẩm | |
| | Phường Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y học dự phòng, Y tế công cộng | |
| | Xã Bắc Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | Xã Vạn Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Y học dự phòng; Dược học; Hóa dược; Y tế công cộng; Quản lý Y tế; Tổ chức và Quản lý y tế; Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | |
| | Xã Diên Khánh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Y học dự phòng, Y tế công cộng, Dược, Quản lý y tế | |
| | Xã Diên Lạc | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Y khoa, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật y học, Y tế công cộng, Quản lý y tế | |
| | Xã Diên Lâm | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Dược | |
| | Xã Suối Hiệp | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật y học, Y tế công cộng, Quản lý y tế | |
| | Xã Suối Dầu | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý y tế. | |
| | Xã Tây Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Dược sỹ, Y khoa | |
| | Xã Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý y tế; Quản lý công | |
| | Xã Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa; Y học dự phòng; Dược học; Hóa dược; Y tế công cộng; Quản lý Y tế; Tổ chức và Quản lý y tế | |
| | Xã Tây Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y đa khoa, Dược học, Y tế công cộng, Điều dưỡng hoặc Quản lý y tế | |
| | Xã Phước Hữu | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Điều dưỡng; Kỹ thuật Y học; Y sĩ | |
| | Xã Cà Ná | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Y khoa, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật y học, Y tế công cộng, Quản lý y tế | |
| | Xã Phước Dinh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học Dược; Y tế Công Cộng; An toàn thực phẩm, Luật | |
| | Xã Xuân Hải | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý Y tế | |
| | Xã Bắc Ái | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý về y tế dự phòng | |
| | Trung tâm Phục vụ hành chính công | | | | | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành) | Chi chú |
|----------------|---|--|---|--|---|---------|
| II - 33 | Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã | 60 | 44 | 16 | | |
| | Phường Bắc Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản trị; Quản lý; Khoa học Chính trị; Kinh tế học; Kinh doanh | |
| | Phường Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Luật, Quản lý đất đai, Xây dựng | |
| | Xã Nam Ninh Hòa | 4 | 3 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Kế toán, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Công nghệ thông tin, Xã hội học | |
| | Xã Vạn Ninh | 5 | 4 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Công nghệ thông tin, Xã hội học | |
| | Xã Tu Bông | 4 | 3 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Luật Kinh tế, Tư pháp, Địa chính, Quản lý đất đai, Xây dựng, Công tác Xã hội, Quản lý giáo dục | |
| | Xã Đại Lãnh | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính - Kế toán; Luật; Luật Kinh tế; Công nghệ thông tin | |
| | Xã Diên Khánh | 5 | 3 | 2 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Công tác xã hội, Hệ thống thông tin quản lý, Quản lý văn hóa, Lao động – xã hội | |
| | Xã Suối Hiệp | 4 | 3 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Khoa học giáo dục, Kế toán, Quản lý xây dựng, Hành chính; Quản lý Nhà nước, Hành chính học, Chính sách công, Quản lý giáo dục; Kỹ sư an toàn thực phẩm, Quản trị nhân lực | |
| | Xã Cam An | 6 | 5 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Đông Khánh Sơn | 5 | 4 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Xã hội học | |
| | Xã Phước Hữu | 6 | 5 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai | |
| | Xã Phước Hậu | 6 | 5 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Tài chính - Kế toán | |
| | Xã Thuận Nam | 4 | 2 | 2 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Công nghệ thông tin, Xã hội học | |
| | Xã Bắc Ái Đông | 6 | 5 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Sử dụng tại các Phòng chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Phòng | | | | | |
| II - 35 | Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng | 11 | 4 | 7 | | |
| | Phường Bắc Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Thanh tra, Quản lý nhà nước | |
| | Phường Nam Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | Xã Nam Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật | |
| | Xã Diên Lạc | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Xã hội học | |
| | Xã Tây Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước | |
| | Xã Thuận Nam | 2 | 1 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Xã hội học | |
| | Phường Phan Rang | 3 | 2 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Luật | |
| II - 36 | Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số | 33 | 0 | 33 | | |
| | Phường Nha Trang | 2 | 0 | 2 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật máy tính, hệ thống thông tin, khoa học máy tính, công nghệ thông tin | |
| | Phường Tây Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Phường Nam Nha Trang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Phường Cam Linh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, chuyển đổi số | |
| | Phường Hòa Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Bắc Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin, Thương mại điện tử | |
| | Xã Tân Định | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành Công nghệ thông tin, Tin học | |
| | Xã Nam Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin, Thương mại điện tử, Quản lý công | |
| | Xã Hòa Trí | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin, Thương mại điện tử | |
| | Xã Vạn Hưng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật máy tính, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ đa phương tiện | |
| | Xã Vạn Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin | |

| TT | TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM | Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người) | Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người) | Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chi tiêu) | YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành/ngành/chuyên ngành) | Chi chú |
|----------------|--|--|---|--|--|---------|
| | Xã Tu Bồng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ truyền thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin | |
| | Xã Diên Điền | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin, Thương mại điện tử, Quản lý công | |
| | Xã Diên Lâm | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin | |
| | Xã Cam Hiệp | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Trung Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin quản lý, Điện tử viễn thông, An toàn thông tin, Thương mại điện tử | |
| | Xã Tây Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Khánh Vĩnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Tây Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Kỹ thuật mạng, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin hoặc các ngành đào tạo gắn về máy tính và công nghệ thông tin | |
| | Xã Đông Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin | |
| | Xã Cà Ná | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Kỹ thuật máy tính, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ đa phương tiện | |
| | Xã Phước Hà | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin | |
| | Xã Phước Dinh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học Công nghệ thông tin; An Toàn thông tin; Thương Mại điện tử; Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin | |
| | Xã Ninh Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Xuân Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Xã Vĩnh Hải | 3 | 0 | 3 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin quản lý; An toàn thông tin | |
| | Xã Công Hải | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin | |
| | Xã Ninh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; An toàn thông tin/an ninh mạng | |
| | Phường Phan Rang | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| | Phường Ninh Chữ | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin | |
| II - 37 | Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành | 0 | 0 | 0 | | |
| II - 40 | Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) | 0 | 0 | 0 | | |
| II - 41 | Kế toán viên | 9 | 0 | 9 | | |
| | Phường Bắc Cam Ranh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| | Xã Tân Định | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng | |
| | Xã Tây Ninh Hòa | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Kế toán | |
| | Xã Vạn Thắng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán | |
| | Xã Tu Bồng | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| | Xã Đại Lãnh | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán | |
| | Xã Diên Thọ | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán | |
| | Xã Tây Khánh Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Tài chính, Kiểm toán, Ngân hàng | |
| | Xã Mỹ Sơn | 1 | 0 | 1 | Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán | |
| TỔNG SỐ | | 472 | 133 | 338 | | |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

(Dán ảnh 4x6)

Vị trí việc làm dự tuyểnⁱ:.....

Cơ quan, tổ chức, đơn vị dự tuyểnⁱⁱ:.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Nam Nữ

Dân tộc:.....Tôn giáo:.....

Số CMND hoặc Thẻ căn cước:.....

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Số điện thoại di động để báo tin:.....

Email:.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Tình trạng sức khỏe:.....; Chiều cao:.....; Cân nặng:.....kg

Trình độ văn hoá:.....

Trình độ chuyên môn:.....

II. VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM TUYỂN DỤNGⁱⁱⁱ

| Tên trường, cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ | Trình độ văn bằng, chứng chỉ | Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ | Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm) | Ngành đào tạo | Hình thức đào tạo | Xếp loại bằng, chứng chỉ |
|---------------------------|--|------------------------------|---------------------------------|---|---------------|-------------------|--------------------------|
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

| Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm | Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác |
|--|-----------------------------------|
| | |
| | |
| | |

IV. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Ngoại ngữ thi theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng (nếu có)

.....

2. Thuộc đối tượng ưu tiên^{iv}: Có Không

Đối tượng ưu tiên:

.....

Điểm ưu tiên:điểm

3. Xác nhận hình thức nhận thông báo^v:

Xác nhận hình thức nhận thông báo theo Thông báo tuyển dụng

V. THỨ TỰ ƯU TIÊN^{vi}

(Chỉ đăng ký đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau; thứ tự ưu tiên tính từ trên xuống dưới)

- 1. Nguyên vọng 1 (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, đơn vị)
- 2. Nguyên vọng 2 (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, đơn vị)
- 3. Nguyên vọng 3 (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, đơn vị)

VI. NỘI DUNG KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG (nếu có)

.....
.....

Tôi xin cam đoan đáp ứng đầy đủ yêu cầu về điều kiện đăng ký dự tuyển và không thuộc trường hợp không được đăng ký dự tuyển công chức theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký dự tuyển này và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định sau khi có thông báo trúng tuyển.

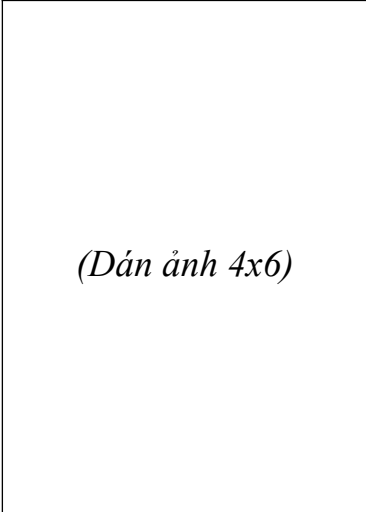
NGƯỜI VIẾT PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (i) Ghi đúng tên vị trí việc làm đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng;
- (ii) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng. Trường hợp đăng ký dự tuyển vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau thì ghi tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thứ tự ưu tiên cao nhất;
- (iii) Văn bằng, chứng chỉ phải bảo đảm do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng tại thời điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng cho phép nộp Giấy xác nhận (hoặc giấy tờ có giá trị tương đương) thì phải nộp bản chính thức khi hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.
- (iv) Đối tượng ưu tiên quy định khi trúng tuyển phải xuất trình Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên theo quy định.
- (v) Trường hợp thí sinh không xác nhận hình thức nhận thông báo thì phải nêu rõ lý do, đồng thời đề xuất 01 hình thức nhận thông báo và phải được sự đồng ý, xác nhận bằng văn bản của Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển khi tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.
- Các nội dung có liên quan đến kỳ tuyển dụng phải được đăng tải, cập nhật kịp thời và thường xuyên trên Trang Thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm bảo đảm các thông báo trong quá trình tuyển dụng liên quan đến thí sinh phải được gửi tới thí sinh bằng hình thức đã xác định trong Thông báo tuyển dụng.
- Thí sinh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi các thông báo và phản hồi (nếu có yêu cầu). Hội đồng tuyển dụng không chịu trách nhiệm về việc thí sinh không nhận được thông tin vì bất cứ lý do gì nếu đã đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử, Cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng và đã gửi thông báo tới thí sinh theo hình thức đã được xác định trong Thông báo tuyển dụng.
- (vi) Thí sinh phải đăng ký ít nhất 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị và có thể đăng ký tối đa các nguyện vọng theo số lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung ghi trong Thông báo tuyển dụng. Trường hợp thí sinh không lựa chọn cơ quan, tổ chức, đơn vị trong danh sách theo thứ tự ưu tiên thì được hiểu là không đăng ký tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm



PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí việc làm dự tuyểnⁱ:.....

Cơ quan, tổ chức, đơn vị dự tuyểnⁱⁱ:.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Nam Nữ

Dân tộc:.....Tôn giáo:.....

Số CMND hoặc Thẻ căn cước:.....

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Số điện thoại di động để báo tin:.....

Email:.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Tình trạng sức khỏe:.....; Chiều cao:.....; Cân nặng:.....kg

Thành phần bản thân hiện nay:

Trình độ văn hoá:.....

Trình độ chuyên môn cao nhất:.....

Loại hình đào tạo:

II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH

1. Bố mẹ:

- Họ và tên bố: Tuổi: Nghề nghiệp:.....

Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu?

.....

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu?.....

.....

Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu? (Ghi rõ tên cơ quan, đơn vị hiện nay đang làm (nếu có).....

.....

- Họ và tên mẹ: Tuổi:..... Nghề nghiệp:

Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu?

.....

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu?.....

.....

Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu? (Ghi rõ tên cơ quan, đơn vị hiện nay đang làm (nếu có).....

.....

2. Anh, chị, em ruột:

- Họ và tên: Tuổi:.....

- Nghề nghiệp:.....

- Nơi làm việc:

- Chỗ ở hiện nay:

3. Vợ hoặc chồng:

- Họ và tên: Tuổi:.....

- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc:
- Chỗ ở hiện nay:

4. Các con:

- Họ và tên: Tuổi:.....
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc:
- Chỗ ở hiện nay:

III. VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM TUYỂN DỤNGⁱⁱⁱ

| Tên trường, cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ | Trình độ văn bằng, chứng chỉ | Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ | Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm) | Ngành đào tạo | Hình thức đào tạo | Xếp loại bằng, chứng chỉ |
|---------------------------|--|------------------------------|---------------------------------|---|---------------|-------------------|--------------------------|
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

| Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm | Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác |
|--|-----------------------------------|
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |

V. THÀNH TÍCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

| STT | Tên cuộc thi, công trình nghiên cứu | Thời gian ^(iv) | Kết quả cuộc thi, công trình nghiên cứu ^(v) | Ghi chú |
|-----|--|---------------------------|---|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |

VI. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Ngoại ngữ thi theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng (nếu có)

.....

2. Thuộc đối tượng ưu tiên^{vi}: Có Không

Đối tượng ưu tiên:

.....

Điểm ưu tiên:điểm

3. Xác nhận hình thức nhận thông báo^{vii}:

Xác nhận hình thức nhận thông báo theo Thông báo tuyển dụng

VII. NỘI DUNG KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG (nếu có)

.....

.....

Tôi xin cam đoan đáp ứng đầy đủ yêu cầu về điều kiện đăng ký dự tuyển và không thuộc trường hợp không được đăng ký dự tuyển công chức theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký dự tuyển này và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định sau khi có thông báo trúng tuyển.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (i) Ghi đúng tên vị trí việc làm đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng;
- (ii) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng. Trường hợp đăng ký dự tuyển vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau thì ghi tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thứ tự ưu tiên cao nhất;
- (iii) Văn bằng, chứng chỉ phải bảo đảm do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng tại thời điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng cho phép nộp Giấy xác nhận (hoặc giấy tờ có giá trị tương đương) thì phải nộp bản chính thức khi hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.
- (iv) Ghi rõ thời gian tham gia cuộc thi, thời gian thực hiện công trình nghiên cứu.
- (v) Ghi rõ đã đạt giải thưởng gì trong các cuộc thi; công trình nghiên cứu khoa học và được cấp nào công nhận; kết quả nghiên cứu khoa học đã được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành nào ở trong hoặc ngoài nước.
- (vi) Đối tượng ưu tiên quy định khi trúng tuyển phải xuất trình Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên theo quy định.
- (vii) Trường hợp thí sinh không xác nhận hình thức nhận thông báo thì phải nêu rõ lý do, đồng thời đề xuất 01 hình thức nhận thông báo và phải được sự đồng ý, xác nhận bằng văn bản của Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển khi tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.
- Các nội dung có liên quan đến kỳ tuyển dụng phải được đăng tải, cập nhật kịp thời và thường xuyên trên Trang Thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm bảo đảm các thông báo trong quá trình tuyển dụng liên quan đến thí sinh phải được gửi tới thí sinh bằng hình thức đã xác định trong Thông báo tuyển dụng.
- Thí sinh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi các thông báo và phản hồi (nếu có yêu cầu). Hội đồng tuyển dụng không chịu trách nhiệm về việc thí sinh không nhận được thông tin vì bất cứ lý do gì nếu đã đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử, Cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng và đã gửi thông báo tới thí sinh theo hình thức đã được xác định trong Thông báo tuyển dụng.